

Bản án số: 14/2021/HS-PT

Ngày 05 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Hậu.

2. Ông Lê Công Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân THnh phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân THnh phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân THnh phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 553/2020/TLPT-HS ngày 10/11/2020 đối với bị cáo Trần Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 120/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân quận BT, THnh phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn M, sinh năm 1964 tại Nam Định; nơi ĐKTT: 451/35D Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, THnh phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 253 Huỳnh Thị Hai, tổ 1, khu phố 9, phường T, Quận X, THnh phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phạm Thị N; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 0 giờ 10 phút ngày 26/8/2005, Công an Phường 19, quận BT kiểm tra nH số 49A Phạm Viêt C, Phường 19, quận BT, do Trần Văn H quản lý trông coi phát hiện 09 con dấu bằng đồng có cán bằng gỗ, 11 con dấu hình tròn bằng gỗ màu đen, 49 con dấu hình chữ nhật và dấu tên có cán bằng nhựa màu vàng, 06 giấy phép kinh doanh, 12 cuốn hóa đơn giá trị gia tăng và một số giấy tờ khác cùng 04 chiếc xe gắn máy nên Công an Phường 19 lập biên bản phạm tội quả tang

chuyển Công an quận BT xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát (viết tắt là CSĐT) Trần Văn H khai nhận như sau: H đứng ra nhờ một phụ nữ khoảng 28 tuổi (không rõ lai lịch) trước Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh làm 01 con dấu giả của Ủy ban Nhân dân (viết tắt là UBND) xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với giá 30.000 đồng, H đem về ký và đóng dấu vào giấy xác nhận độc thân để làm thủ tục vay tiền ngân hàng nhưng chưa kịp vay thì bị bắt. Qua giám định kết quả con dấu UBND xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định là giả.

Trong thời gian tạm giam để điều tra thì ngày 03/9/2005 Trần Văn M viết giấy thông cung gửi cho H. Qua kết luận giám định số 454/KLGD ngày 24/10/2005 xác định giấy thông cung do M gửi vào cho H chính là chữ viết của Trần Văn M.

Ngày 01/9/2005, Cơ quan CSĐT ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với Trần Văn H về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 28/12/2005, H khai 11 con dấu bằng gỗ mà Công an thu giữ vào ngày 26/8/2005 là con dấu giả do M nhờ người khác làm đem về giao cho H cất giữ khi nào cần sử dụng thì M gọi H đem ra sử dụng. H khai có đem dấu giả cho M sử dụng vài lần nhưng cụ thể giấy tờ gì thì H không nhớ.

Căn cứ bản kết luận giám định số 415/KLGD ngày 28/9/2005, số 492/KLGD ngày 18/11/2005, số 502/KLGD ngày 30/11/2005 và số 58/KLGD ngày 11/01/2006 của Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh đối với 11 con dấu có nội dung:

- 1/ Hình con dấu có nội dung “UBND xã Kim Thái huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định”; 2/ Hình con dấu có nội dung “CHXHCN Việt Nam - Công an huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định - Công an xã Kim Thái”; 3/ Hình con dấu có nội dung “UBND huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp”; 4/ Hình con dấu có nội dung “Cty TNHH Tân Uyên”; 5/ Hình con dấu có nội dung “Cty TNHH Dịch vụ - Xây dựng - Thương mại Thiên H”; 6/ Hình con dấu có nội dung “Cty TNHH Dịch vụ - Xây dựng - Thương mại Thiên Hữu”; 7/ Hình con dấu có nội dung “Cty TNCP điện máy Phú Long - thị xã Tuy Hòa tỉnh Phú Yên”; 8/ Hình con dấu có nội dung “Cty TNHH thương mại dịch vụ tư vấn công lý Quận 11 Tp. Hồ Chí Minh”;

- 03 con dấu có nội dung: 1/ “Cty TNHH xây lắp 02 - Nha Trang - Khánh Hòa”; 2/ “Cty Cổ phần 20/9 Quảng Ngãi”; 3/ “Cty kinh doanh và sửa chữa ô tô ĐN”. Qua giám định kết luận 11 con dấu trên đều là giả.

Ngày 06/01/2006, Cơ quan CSĐT Công an quận BT ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn M về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”. Do M bỏ trốn nên ngày 18/01/2006 Cơ quan điều tra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và ngày 16/3/2006 ra Quyết định truy nã.

Ngày 29/3/2006, Tòa án Nhân dân quận BT xét xử Trần Văn H 7 tháng

4 ngày tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Ngày 23/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an Quận 8 bắt được Trần Văn M và ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn M về tội “Trốn thuế”. Ngày 22/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an Quận 8 ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Văn M về tội “Trốn thuế”.

Ngày 06/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận BT ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, bị can và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn M.

Tại Cơ quan CSĐT Công an quận BT Trần Văn M khai nhận: khoảng 2004 – 2005, M có đưa tiền cho Phạm Hồng Thanh để đi làm con dấu giả theo mẫu M đưa với giá 1.500.000 đồng/mẫu, Thanh làm dấu giả ở đâu thì M không biết. Thanh làm xong đem về đưa cho M, M sử dụng xong thì đưa cho Trần Văn H (là em rể của M) cất tại nH số 49A Phạm Viêt Chánh, phường 19, quận BT. Tổng cộng M làm giả 09 con dấu trên tổng số 11 con dấu hình tròn bằng gỗ màu đen không cán.

Đối với 02 con dấu của UBND xã Kim Thái và Công an xã Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định, M khai không biết vì sao có và cho rằng có liên quan đến hồ sơ giấy tờ của Trần Văn H.

Mục đích làm giả số con dấu trên là để phục vụ việc làm giả hóa đơn bán cho cá nhân sử dụng khi vận chuyển Hng trên đường, nếu có cơ quan chức năng kiểm tra thì xuất trình xem như hóa đơn thật của Hng hóa. Ngoài ra còn để đóng vào hóa đơn mua vào cho các công ty Lưu Vũ, Tân Duy Vũ, Vũ Anh Duy, Mạnh Hòa, Nam Nguyên, Duy Thương, Tám Văn, Lý Vân, Hòa Tuấn để hợp thức hóa chứng từ mua vào. Các công ty này M tHnh lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, do thời gian đã lâu nên M không nhớ đã bán và làm giả bao nhiêu tờ hóa đơn.

Ngoài ra, M thừa nhận việc gửi giấy thông cung cho H nhằm đổ tội cho Đào Văn Tặng, thực chất M là người chỉ đạo H, Tặng làm mọi việc, H và Tặng chỉ làm thuê cho M. Khi sự việc bị phát hiện sợ bị xử lý hình sự nên M đã bỏ trốn.

Cơ quan điều tra Công an quận BT tiến Hnh ghi lời khai:

Trần Văn H khai nhận đã thuê 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) ở Tp. Hồ Chí Minh làm giả 02 con dấu của UBND xã Kim Thái và Công an xã Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định để đóng dấu xác nhận độc thân nhằm mục đích vay tiền ngân Hng và đóng dấu xác nhận lên bản sao sổ hộ khẩu đã tẩy xóa của gia đình H nhưng chưa kịp sử dụng đi vay thì bị bắt. 09 con dấu còn lại là của Trần Văn M, M nhờ người khác làm giả và giao cho H cất giữ, quản lý khi nào M cần sử dụng thì H mang ra cho M sử dụng sau đó cất đi.

Đào Văn Tặng khai nhận vào khoảng tháng 3/2004, Tặng lên Tp. Hồ Chí Minh làm thuê cho Trần Văn M, công việc là ghi nội dung lên hóa đơn GTGT không theo lệnh của M. M tHnh lập các công ty Lưu Vũ, Tân Duy Vũ,

Vũ Anh Duy, Mạnh Hòa, Nam Nguyên, Duy Thương, Tám Văn, Lý Vân, Hòa Tuấn để nhằm mục đích xuất hóa đơn GTGT không thu lời bất chính, thực chất các công ty này không có hoạt động mua bán Hng hóa. Tặng đã từng được Phạm Hồng Thanh nói rằng M nhờ Thanh đi làm con dấu giả, sau đó mang về cho M, M trả tiền.

Cơ quan CSĐT Công an quận BT tiến Hnh xác minh tại Công an xã Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định được biết Phạm Hồng Thanh có hộ khẩu thường trú tại Đội 2 xã Xuân Thượng, tuy nhiên Thanh đã đi khỏi địa phương từ lâu, Cơ quan CSĐT Công an quận BT đã ra thông báo truy tìm đối tượng Phạm Hồng Thanh.

Đối với Hnh vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng của Trần Văn M, xét thấy sự việc trên xảy ra vào năm 2005 đến nay thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết, cho nên căn cứ Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn M, Trần Văn H, Đào Văn Tặng về Hnh vi “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách NH nước” nên các vật chứng liên quan Cơ quan CSĐT Công an quận BT tự giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 120/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân quận BT, THnh phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp Hnh án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2020 bị cáo Trần Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho điều tra lại toàn bộ vụ án, tất cả các buổi làm việc phải có Viện kiểm sát chứng kiến để tránh việc Điều tra viên làm việc không khách quan, xác định đúng tội ai làm giả con dấu.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân THnh phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ Hnh vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, tại đoạn [6] của bản án sơ thẩm còn kiến nghị Viện kiểm sát và Cơ quan CSĐT Công an quận BT tiếp tục tiến Hnh xác minh đối tượng Phạm Hồng Thanh để điều tra làm rõ nếu cơ căn cứ thì đề nghị xử lý theo quy định. Xét việc kiến nghị này là không có cơ sở xem xét do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 27 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Văn M kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, sự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Vào khoảng năm 2004 – 2005, bị cáo Trần Văn M có Hnh vi đưa tiền và mẫu dấu cho Phạm Hồng Thanh (chưa rõ lai lịch) để làm con dấu giả với giá 1.500.000 đồng/mẫu, mục đích làm con dấu giả để M phục vụ cho việc làm giả hóa đơn bán cho các cá nhân sử dụng thay thế cho hóa đơn thật khi vận chuyển Hng trong trường hợp có cơ quan chức năng kiểm tra và để hợp thức hóa chứng từ mua vào cho các công ty Lưu Vũ, Tân Duy Vũ, Vũ Anh Duy, Mạnh Hòa, Nam Nguyên, Duy Thương, Tám Văn, Lý Văn, Hòa Tuấn do M tHnh lập đề xuất hóa đơn GTGT giả nhằm thu lợi bất chính. Tổng cộng, bị cáo M làm giả 09 con dấu trên tổng số 11 con dấu hình tròn bằng gỗ màu đen không cán, 02 con dấu của Ủy ban Nhân dân xã Kim Thái và Công an xã Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định. Bị cáo khai đưa cho H cất giữ khi cần sử dụng sẽ yêu cầu H giao, điều này phù hợp với lời khai của Trần Văn H về việc bị cáo M làm giấu giả mục đích để làm hồ sơ giả về thuế và H cũng có vài lần sử dụng con dấu giả này. Theo bản kết luận giám định số 415/KLGD ngày 28/9/2005, số 492/KLGD ngày 18/11/2005, số 502/KLGD ngày 30/11/2005 và số 58/KLGD ngày 11/01/2006 của Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự Công an THnh phố Hồ Chí Minh đối với 11 con dấu đều là giả.

Với Hnh vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Văn M về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai và đã áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi Hnh Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ như tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa tiền án, tiền sự được quy định tại điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo M 01 (một) năm tù là thỏa đáng, có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện việc tiến Hnh hỏi cung bị can đối với Trần Văn M do 03 Điều tra viên tiến Hnh, có Kiểm sát viên tham dự theo đúng quy định tại Điều 183 Bộ luật Tố tụng hình sự; và lời khai của bị can, bị cáo M không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội bị cáo trong vụ án này.

Riêng đối với kiến nghị tại đoạn [6] của bản án sơ thẩm là không có căn cứ do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Với lập luận tại đoạn [2] Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo M, chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về án phí đối với bị cáo: phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận BT; (1)
- P.PV 06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi cục THA Q.BT; (1)
- TAND Q.BT; (2)
- Công an Q.BT; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; 1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (04)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam